

Số: /BC-VPUBND

Lào Cai, ngày tháng 9 năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thực hiện cải cách hành chính quý III; phương hướng, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2022**

#### **I. Tình hình tổ chức thực hiện và công tác kiểm tra, tuyên truyền cải cách hành chính.**

##### **1. Công tác chỉ đạo điều hành**

Trong quý III, Văn phòng UBND tỉnh đã thành lập Đoàn kiểm tra thực hiện công tác cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức; công tác quản lý công chức, viên chức và thực hiện kỷ luật, kỷ cương năm 2022 tại một số phòng, ban, đơn vị trực thuộc; cử cán bộ tham gia đoàn kiểm tra cải cách hành chính tỉnh Lào Cai năm 2022 theo đề nghị của Sở Nội vụ.

Từ tháng 6 đến nay, Văn phòng UBND tỉnh ban hành các văn bản thực hiện công tác cải cách hành chính, như sau:

- Kế hoạch số 19/KH-VPUBND ngày 10/6/2022 về tình giản biên chế sự nghiệp giai đoạn 2022-2026;

- Kế hoạch số 20/Kh-VPUBND ngày 10/6/2022 về tuyển dụng lại viên chức theo Kết luận số 71-KL/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư;

- Kế hoạch số 21/KH-VPUBND ngày 13/6/2022 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động năm 2023 của Văn phòng UBND tỉnh Lào Cai;

- Kế hoạch duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) của Văn phòng UBND Lào Cai năm 2022 tại Kế hoạch số 23/KH-VPUBND ngày 25/7/2022;

- Kế hoạch cải thiện, nâng cao Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công (PAPI) năm 2022 của Văn phòng UBND tỉnh Lào Cai tại Kế hoạch số 24/KH-VPUBND ngày 25/7/2022.

##### **2. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính**

Công tác tuyên truyền triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính được Lãnh đạo Văn phòng đã quán triệt tới toàn thể công chức, viên chức, người lao động thuộc Văn phòng UBND tỉnh những nội dung trọng tâm của Kế hoạch CCHC tỉnh Lào Cai năm 2022; kế hoạch CCHC Văn phòng UBND tỉnh năm 2022 trong các cuộc họp giao ban hàng tuần, tháng, quý và trên bảng led trước sảnh trụ sở Khối II.

Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo Trung tâm Phục vụ Hành chính công thực hiện tuyên truyền về: công tác xây dựng và nâng cao chất lượng dịch vụ công hướng tới thực hiện giải quyết TTHC “5 tại chỗ” gồm: Tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, đóng dấu và trả kết quả cho tổ chức, công dân tại Trung tâm; hướng dẫn trình tự thực hiện thủ tục hành chính; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ công trực tuyến; sử dụng dịch vụ bưu chính công ích trong thực hiện TTHC; công tác nâng cao chất lượng giải quyết TTHC; việc chuyển từ hồ sơ giấy sang hồ sơ điện tử; khắc phục tình trạng quá hạn trong giải quyết TTHC; thực hiện nghiêm việc xin lỗi cá nhân, tổ chức khi xảy ra tình trạng chậm, muộn trong giải quyết TTHC; công tác xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định TTHC... Hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng như: Phóng sự trên VTV1; Trên báo, tạp chí của Trung ương; Báo Lào Cai; Tạp chí Fansipan; Cổng thông tin điện tử Trung tâm Phục vụ Hành chính công; Đài Phát Thanh Truyền hình tỉnh, màn hình tivi lớn tại Trung tâm, maket, pano, áp phích... giúp cho người dân, doanh nghiệp chủ động bố trí thời gian, điều kiện phù hợp để thực hiện TTHC.

## **II. Kết quả đạt được công tác CCHC quý III năm 2022**

### **1. Cải cách thể chế**

a) Công tác tham mưu, trình ban hành văn bản QPPL.

Trong quý III năm 2022, Văn phòng UBND tỉnh xây dựng Đề án kiện toàn vị trí, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của Văn phòng UBND tỉnh cho phù hợp với Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thông tư số 01/2022/TT-VPCP ngày 02/5/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ ban hành Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; dự kiến trình UBND tỉnh ban hành trong tháng 11 năm 2022.

Bên cạnh đó, Văn phòng UBND tỉnh còn phối hợp với các sở, ban, ngành trình UBND tỉnh Lào Cai ban hành **14** văn bản QPPL (*luỹ kế 35 văn bản QPPL*).

b) Công tác rà soát, hệ thống hóa bản bản QPPL: Số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát là 10 văn bản quy phạm pháp luật thuộc chức năng quản lý nhà nước của Văn phòng UBND tỉnh.

Đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ: không đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật. Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ chủ động rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

c) Công tác tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật: Số văn bản quy phạm pháp luật được kiểm tra là: 10 văn bản.

Số văn bản mắc lỗi về thẩm quyền, nội dung, kỹ thuật trình bày: không có văn bản. Tuy nhiên, có 01 quyết định QPPL<sup>1</sup> có căn cứ pháp lý hết hiệu lực thi hành do Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003 đã hết hiệu lực thi hành từ ngày 31/12/2015; Luật ban hành văn bản của HĐND, UBND ngày 03/12/2004 đã hết hiệu lực thi hành từ ngày 30/6/2016 .

d) Công tác tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật: Số văn bản quy phạm pháp luật tự kiểm tra 10 văn bản thuộc chức năng quản lý Nhà nước của Văn phòng UBND tỉnh: Số văn bản mắc lỗi: không có văn bản mắc lỗi.

e) Về cập nhật cơ sở dữ liệu: 10/10 văn bản đã được cập nhật cơ sở dữ liệu Quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật.

## **2. Công tác kiểm soát TTHC.**

### ***2.1. Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC:***

Thực hiện kế hoạch kiểm soát, rà soát, đánh giá sự cần thiết của TTHC và các quy định có liên quan đến TTHC và đánh giá các quy định có liên quan đến TTHC với mục tiêu quản lý nhà nước và những thay đổi về kinh tế - xã hội, công nghệ và các điều kiện khách quan khác trong năm 2022.

Các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh tiếp tục thực hiện cắt giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC so với quy định đối với 933/1.966 TTHC (đạt 47,5%); TTHC được cắt giảm thời gian chủ yếu là các thủ tục có tần suất thực hiện giao dịch nhiều, đã tiết kiệm được thời gian, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

Tiếp tục triển khai thúc đẩy cung cấp dịch vụ công trực tuyến và sử dụng dịch vụ bưu chính công ích trong giải quyết TTHC, nhằm minh bạch thông tin, tiết kiệm chi phí, tạo thuận lợi và nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

### ***2.2. Về TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương:***

Tổng số TTHC 3 cấp (tỉnh, huyện, xã) thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh địa phương là 1.966 TTHC, trong đó cấp tỉnh: 1.518 TTHC; cấp huyện: 304 TTHC; cấp xã: 144 TTHC. Tổng số TTHC của các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng tại địa phương là 310 TTHC.

Thực hiện công bố, công khai TTHC kịp thời, đầy đủ, thường xuyên, rõ ràng theo quy định. 100% TTHC đã được cập nhật, công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC (Cổng Dịch vụ công quốc gia); 100% TTHC công bố được cập nhật, niêm yết, công khai theo quy định<sup>2</sup>. Các cơ quan thường xuyên rà soát để công bố quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC đảm bảo xây dựng theo quy định. Toàn bộ 100% quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC được cập nhật trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh để các cơ quan, đơn vị ở cả 3 cấp (tỉnh, huyện, xã)

<sup>1</sup> Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 31/7/2015 về ban hành Quy chế về công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

<sup>2</sup> Hình thức: Niêm yết bằng bản giấy, bản điện tử tại nơi tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận một cửa cấp huyện và cấp xã); Đăng tải, công khai trên Cổng dịch vụ công của tỉnh (dichvucong.laocai.gov.vn), Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị.

công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ thực hiện TTHC trên môi trường điện tử và cá nhân, tổ chức có thể thực hiện dịch vụ công trực tuyến dễ dàng, thuận lợi cho việc giám sát, theo dõi và đánh giá.

TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông được đẩy mạnh thực hiện để tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp chỉ cần đến một đầu mối để nộp hồ sơ và nhận kết quả, cụ thể: TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp: 132 TTHC; TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền: 89 TTHC. Nhóm TTHC thực hiện liên thông (1) đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; (2) đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ mai táng phí; (3) đầu tư cấp điện cho khách hàng sử dụng điện qua công trình điện chuyên dùng<sup>3</sup>; (4) liên thông cắt giảm thời gian giải quyết: Cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan lĩnh vực công thương, nông nghiệp, tài nguyên và môi trường, công an, điện lực, cấp thoát nước.

Tiếp tục triển khai việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tích hợp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: Việc tích hợp cung cấp dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tỉnh Lào Cai đạt trên 80% dịch vụ công đủ điều kiện cung cấp; ưu tiên triển khai theo lộ trình các dịch vụ công được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Đề án ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030, danh mục TTHC được phê duyệt tại Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia năm 2022.

### ***2.3. Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:***

#### *a) Về tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp:*

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai hiện có 28 cơ quan, đơn vị thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC gồm: 19 sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh Lào Cai, 01 đơn vị cấp huyện (Bộ phận Một cửa UBND thành phố Lào Cai) và 04 đơn vị ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Lào Cai<sup>4</sup> và 02 doanh nghiệp cung ứng dịch vụ công<sup>5</sup>. Và 02 đơn vị cung ứng dịch vụ phục vụ người dân khi có nhu cầu<sup>6</sup>.

- Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã: Thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ góp phần giảm phiền hà và cắt giảm thời gian, chi phí đi lại của người dân, tổ chức khi giải quyết TTHC. Các đơn vị đã ứng dụng CNTT vào giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa, giúp cho quá trình xử lý hồ sơ TTHC

<sup>3</sup>Gồm: Khảo sát hiện trường và thoả thuận đầu nối; chấp thuận xây dựng công trình và cấp phép thi công; xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường; điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển điện lực không theo chu kỳ; ký kết hợp đồng mua bán điện, nghiệm thu đóng điện.

<sup>4</sup>Công an tỉnh; cơ quan Thuế; Cục Thi hành án dân sự; BHXH tỉnh

<sup>5</sup>Công ty Điện lực Lào Cai và Công ty Cổ phần cấp nước Lào Cai

<sup>6</sup>Bưu điện, Ngân hàng thương mại

được công khai, minh bạch; công tác chỉ đạo điều hành, theo dõi đôn đốc và báo cáo tình hình, kết quả giải quyết TTHC được nhanh chóng, thuận tiện.

- Bộ phận Một cửa các cấp trang bị đầy đủ về máy tính, máy in, trang thiết bị, phần mềm ứng dụng và bố trí nhân sự có trình độ chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC. Công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận Một cửa các cấp được hưởng chế độ chính sách theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh Lào Cai ban hành quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị địa phương theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục triển khai và thực hiện nhiệm vụ tại Đề án ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

*b) Về thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC:*

Các cơ quan, đơn vị đang triển khai thực hiện việc số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp (Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận Một cửa cấp huyện, Bộ phận Một cửa cấp xã) theo lộ trình quy định.

*c) Về kết quả giải quyết hồ sơ TTHC:*

Đã tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa của 03 cấp là: **213.936** hồ sơ, trong đó: **Cấp tỉnh:** tiếp nhận **35.186** hồ sơ<sup>7</sup> yêu cầu giải quyết TTHC; hồ sơ giải quyết đúng hạn 96,8%, quá hạn 3,2%; **Cấp huyện:** Tiếp nhận **11.406** hồ sơ<sup>8</sup> yêu cầu giải quyết TTHC; hồ sơ giải quyết đúng hạn 95,0%, tỷ lệ quá hạn 5,0%; **Cấp xã:** Tiếp nhận **167.344** hồ sơ<sup>9</sup> yêu cầu giải quyết TTHC; Tỷ lệ đúng hạn đạt 98,4%, tỷ lệ quá hạn 1,6%.

Nguyên nhân của một số hồ sơ quá hạn: Do thao tác xử lý hồ sơ và cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ trên Hệ thống phần mềm Một cửa còn chưa kịp thời (thực tế đã trả kết quả giải quyết hồ sơ giấy đúng thời hạn, chỉ báo chậm trên phần mềm); cá nhân, tổ chức chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính; một số hồ sơ cần thêm thời gian để kiểm tra ngoài thực địa (lĩnh vực đất đai), hồ sơ xin ý kiến tham gia của các cơ quan khác, một số địa phương do đường truyền, hạ tầng mạng bị lỗi nên việc cập nhật hồ sơ chưa kịp thời trên phần mềm Một cửa điện tử. Đối với các hồ sơ quá thời hạn giải quyết đều có văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn lại ngày trả kết quả theo quy định.

<sup>7</sup>Số hồ sơ đã giải quyết: 31.582 hồ sơ (trả đúng hạn: 30.691 hồ sơ, trả quá hạn: 891 hồ sơ), số hồ sơ đang giải quyết: 3.604 hồ sơ (chưa đến hạn: 3.358 hồ sơ, đã quá hạn: 246 hồ sơ).

<sup>8</sup>Số hồ sơ đã giải quyết: 10.487 hồ sơ (trả đúng hạn: 10.141 hồ sơ, trả quá hạn: 346 hồ sơ), số hồ sơ đang giải quyết: 919 hồ sơ (chưa đến hạn: 699 hồ sơ, quá hạn: 220 hồ sơ).

<sup>9</sup>Số hồ sơ đã giải quyết 166.277 hồ sơ (trả đúng hạn: 164.421 hồ sơ, trả quá hạn: 1.856 hồ sơ), số hồ sơ đang trong thời gian giải quyết: 1.067 hồ sơ (chưa đến hạn: 294 hồ sơ, quá hạn: 773 hồ sơ).

*d) Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính:*

Các cơ quan trên địa bàn tỉnh theo nhiệm vụ được phân công đã thực hiện nghiêm túc việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về TTHC theo quy định. Đã thực hiện tốt việc niêm yết nội dung hướng dẫn và địa chỉ cơ quan tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức; sử dụng hòm thư góp ý, đồng thời công khai số điện thoại đường dây nóng để kịp thời hướng dẫn việc thực hiện TTHC, giải đáp những vướng mắc của cá nhân, tổ chức.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, hệ thống tiếp nhận phản ánh kiến nghị của tỉnh tiếp nhận 03 ý kiến phản ánh về quy định hành chính lĩnh vực cấp căn cước công dân, đất đai, đăng ký doanh nghiệp. Phản ánh kiến nghị đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết và công khai kết quả giải quyết phản ánh kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

*đ) Kết quả việc thực hiện đánh giá việc giải quyết TTHC:*

Các cơ quan, đơn vị đã thực hiện đánh giá việc giải quyết TTHC theo các chỉ số quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ (đánh giá bằng Phiếu đánh giá, thiết bị bấm nút điện tử (đối với những đơn vị đã được lắp đặt tại Bộ phận Một cửa). Kết quả:

- Đánh giá bằng phiếu: (1) Đối với Cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ TTHC tại các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã cơ bản đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ (*tỷ lệ trên 90% cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được đánh giá tốt trở lên*); (2) Đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, tham gia tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả hồ sơ TTHC. Kết quả chấm điểm đạt tỷ lệ trên 100% cơ quan đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được đánh giá tốt trở lên.

- Đánh giá qua Hệ thống Giám sát- Đánh giá và đo lường sự hài lòng của người dân tại bộ phận một cửa các cấp đã thu nhận ý kiến đánh giá của người dân đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước tại bộ phận một cửa thông qua đường truyền kết nối với hệ thống camera và hệ thống bấm nút tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận một cửa của UBND các huyện, thị xã, thành phố và một số xã, phường, thị trấn trong tỉnh. Qua theo dõi đánh giá trong quý III năm 2022, có 12.991 ý kiến tham gia đánh giá qua hệ thống<sup>10</sup>.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.**

a) Công tác tổ chức bộ máy: Trong quý III năm 2022, Văn phòng UBND tỉnh Quyết định thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức Văn phòng UBND tỉnh tại Quyết định số 76/QĐ-VPUBND ngày 17/6/2022; thành lập Tô rà soát, đề xuất sửa đổi bổ sung Quy chế làm việc của UBND tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2021-2026 tại Quyết định số 94/QĐ-VPUBND ngày 12/8/2022; ban hành Quy trình nội bộ tiếp nhận, xử lý và phát hành văn bản trên hệ thống quản lý văn bản của

<sup>10</sup>Nhóm đánh giá Rất hài lòng và Hài lòng có: 12.968 ý kiến tham gia đánh giá, đạt 99,8%. Nhóm đánh giá Chờ lâu, Nghiệp vụ kém, Thái độ kém: Có 63 ý kiến tham gia đánh giá, bằng 0,2%.

Văn phòng UBND tỉnh Lào cai tại Quyết định số 95/QĐ-VPUBND ngày 19/8/2022.

b) Công tác biên chế: Trong quý III năm 2022, Văn phòng UBND tỉnh tuyển dụng lại 05 công chức và 02 viên chức theo Kết luận số 71-KL/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư.

#### **4. Cải cách chế độ công vụ:**

a) Công tác cán bộ (bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm): Trong quý III năm 2022, Văn phòng UBND tỉnh không thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm hoặc điều động, luân chuyển.

b) Công tác chính sách: Đăng ký cho 05 công chức, 01 viên chức tham gia dự thi nâng ngạch từ chuyên viên lên chuyên viên chính và từ cán sự lên chuyên viên. Làm thủ tục nghỉ hưu hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đối với 01 công chức lãnh đạo quản lý cấp phòng<sup>11</sup>.

c) Thực hiện tinh giản biên chế: Không thực hiện.

d) Công tác đào tạo bồi dưỡng: Cử 01 công chức tham gia Hội nghị bồi dưỡng kiến thức về Hội nhập quốc tế năm 2022; 01 công chức tham dự lớp tập huấn nâng cao kiến thức pháp luật về bảo vệ môi trường năm 2022; 01 công chức tham gia bồi dưỡng kỹ năng xây dựng, thực thi chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức ngành nội vụ năm 2022.

e) Thực hiện chuyển đổi vị trí, công tác: Trong quý III năm 2022, Văn phòng UBND tỉnh không có đối tượng nào thuộc diện phải chuyển đổi vị trí công tác theo quy định tại Nghị định số 59/2019/NĐ-CP.

#### **5. Cải cách về tài chính công:**

a) Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ: Căn cứ vào các quy định của Nhà nước về định mức, tiêu chuẩn, chế độ hiện hành, Văn phòng UBND tỉnh tiếp tục duy trì thực hiện tốt Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công trên nguyên tắc không vượt quá chế độ chi tiêu hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quy định nhưng vẫn đảm bảo cho cơ quan, cán bộ công chức, viên chức, lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện nghiêm túc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Nghị định số 103/2007/NĐ-CP ngày 14/6/2007 của Chính phủ.

b) Tình hình thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Văn phòng UBND tỉnh, có 03 đơn vị sự nghiệp trực thuộc, trong đó có 02 đơn vị được giao tự chủ tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của

<sup>11</sup> Quyết định số 72/QĐ-VPUBND ngày 03/6/2022 việc nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội (ông Nguyễn Duy Hiệp, Phó Trưởng phòng QLĐT và XDCB).

Chính phủ<sup>12</sup>; 02 đơn vị hành chính đặc thù được Nhà nước cấp kinh phí hoạt động theo chức năng nhiệm vụ<sup>13</sup>. Xây dựng phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2022-2025 theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP về cơ chế tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập.

## **6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.**

a) Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước:

- Tiếp tục triển khai thực hiện sâu rộng mạng LAN; 100% cán bộ công chức được trang bị máy tính làm việc có kết nối Internet hệ thống mạng cơ quan được bảo mật bằng hệ thống Firewall, cài đặt phần mềm diệt virus cho hệ thống máy chủ và máy trạm; quản lý, sử dụng hiệu quả trang thiết bị được giao.

- Duy trì, vận hành, khai thác có hiệu quả các bộ phần mềm chính quyền điện tử gồm: phần mềm Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (ioffice), phần mềm một cửa (igate) và Cổng thông tin điện tử tỉnh Lào Cai do Tập đoàn Bưu chính Viễn thông VNPT cung cấp vào hoạt động tại Văn phòng, đáp ứng được yêu cầu công việc của Văn phòng.

- Tiếp tục tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành, xử lý công việc, gửi nhận văn bản điện tử, kết nối, chia sẻ thông tin, trao đổi, xử lý hồ sơ qua mạng với các cơ quan hành chính nhà nước. 100% văn bản đi - đến được tạo lập hồ sơ công việc, trình duyệt, trình ký trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành ioffice (trừ văn bản mật, văn bản theo quy định của Văn phòng không scan); áp dụng chữ ký điện tử cho Thường trực UBND tỉnh và Lãnh đạo văn phòng.

- 100% cán bộ công chức, viên chức được cấp hòm thư công vụ của tỉnh đều sử dụng, khai thác có hiệu quả trong trao đổi công việc.

b) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến và qua dịch vụ bưu chính công ích:

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa của Văn phòng UBND tỉnh chỉ tiếp nhận các hồ sơ thủ tục hành chính của các sở, ngành thuộc UBND tỉnh nên không phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và qua dịch vụ bưu chính công ích.

c) Về thực hiện ISO trong hoạt động của cơ quan HCNN.

Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và tính công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, Văn phòng UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai duy trì, áp dụng, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Kế hoạch số 06/KH-VPUBND ngày 11/02/2022.

## **III. Đánh giá chung**

Trong quý III năm 2022, Văn phòng UBND tỉnh đã chủ động tổ chức thực hiện tốt công tác CCHC theo nội dung kế hoạch CCHC năm 2022 đề ra, gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Các chủ trương, văn bản, kế hoạch

<sup>12</sup> Trung tâm Hội nghị tỉnh và Nhà khách số 3.

<sup>13</sup> Ban Biên tập Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lào Cai.



về công tác CCHC được phổ biến, quán triệt kịp thời; đồng thời xây dựng kế hoạch và ban hành các văn bản để tổ chức thực hiện đảm bảo nghiêm túc, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

#### **IV. Phương hướng, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2022**

**1.** Tiếp tục tuyên truyền CCHC trong nội bộ trong các cuộc họp giao ban hàng tháng và trên hệ thống đèn led trước sảnh trụ sở Khối II.

**2.** Tiếp tục nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện công tác cải cách hành chính. Đôn đốc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2022.

**3.** Nâng cao chất lượng tham mưu văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh đảm bảo tính thống nhất với các chủ trương, chính sách, pháp luật hiện hành, phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

**4.** Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và một số văn bản chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn.

**5.** Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định kiện toàn vị trí, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của Văn phòng UBND tỉnh cho phù hợp với Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thông tư số 01/2022/TT-VPCP ngày 02/5/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ ban hành Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; dự kiến trình UBND tỉnh ban hành trong tháng 11 năm 2022.

**6.** Thực hiện kiểm tra thực hiện công tác cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức; công tác quản lý công chức, viên chức và thực hiện kỷ luật, kỷ cương năm 2022 tại một số phòng, ban, đơn vị thuộc Văn phòng UBND tỉnh.

**7.** Rà soát các chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Văn phòng UBND tỉnh.

**8.** Thực hiện đúng các quy định trong quy chế quản lý tài chính, tài sản của cơ quan.

**9.** Tăng cường ứng dụng CNTT và sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của Văn phòng UBND tỉnh. Tiếp tục triển khai các phần mềm dùng chung; ứng dụng chữ ký số; các phần mềm phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành trong hoạt động tại cơ quan Văn phòng UBND tỉnh.

**10.** Tiếp tục duy trì, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

**11.** Tiếp tục triển khai thử nghiệm phần mềm “Đánh giá sự hài lòng” của người dân, doanh nghiệp đối với việc thực hiện TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh của các đơn vị; phần mềm Hỗ trợ doanh nghiệp...

**12.** Báo cáo tổng kết công tác CCHC năm 2022; Phương hướng nhiệm vụ năm 2023.

**13.** Ban hành Kế hoạch công tác CCHC năm 2023; Kế hoạch công tác kiểm soát, rà soát, đánh giá TTHC năm 2023; Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2023; Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2023

Trên đây là báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính quý III; phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính 3 tháng cuối năm 2022 của Văn phòng UBND tỉnh Lào Cai./.

***Nơi nhận:***

- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, TCHC1.

**CHÁNH VĂN PHÒNG**

**Phan Quốc Nghĩa**

**Phụ lục**  
**THỐNG KÊ**

**Số liệu về kết quả thực hiện công tác CCHC quý III năm 2022**  
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VPUBND ngày /9/ 2022  
của Văn phòng UBND tỉnh Lào Cai)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>			
<b>1.1.</b>	<b>Kế hoạch CCHC</b>			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	08	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	0	Đang thực hiện
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	08	
<b>1.2.</b>	<b>Kiểm tra CCHC</b>			
1.1.1.	Số phòng ban, đơn vị đã kiểm tra	Phòng ban, đơn vị	0	Chưa thực hiện
1.1.2.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
<b>1.3.</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh giao về công tác CCHC</b>			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	04	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		Đang thực hiện
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
<b>1.4.</b>	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		Chưa thực hiện
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	C
<b>2.</b>	<b>Cải cách thể chế</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham	Văn bản		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	muru ban hành			
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	10	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	10	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
<b>3.</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>			
<b>3.1.</b>	<b>Thống kê TTHC</b>			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		Văn phòng UBND tỉnh không có TTHC thuộc chức năng quản lý Nhà nước của Văn phòng
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục		
Tron g đó	Số TTHC cơ quan, đơn vị:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp sở, ngành	Thủ tục		
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục		Huyện, thị xã, TP báo cáo
<b>3.2.</b>	<b>Vận hành Cổng dịch vụ công</b>			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
<b>3.3.</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%		
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>3.4.</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		Huyện, thị xã, thành phố báo cáo
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn	%		
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn	%		
<b>3.5.</b>	<b>Vận hành Cổng dịch vụ công</b>			
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục		
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục		
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục		
<b>4.</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>			
<b>4.1.</b>	<b>Cơ cấu tổ chức bộ máy</b>			
4.1.1.	Số phòng, ban chuyên môn cấp sở, ngành	Phòng ban, đơn vị	14	
4.1.2.	Số phòng, ban chuyên môn thuộc huyện, thị xã, thành phố	Phòng ban, đơn vị		
<b>4.2.</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	52	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	52	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, đơn vị	Người	15	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	14,9	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>4.3.</b>	<b>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập.</b>			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	14	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	14	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
<b>5.</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số phòng, ban, đơn vị đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Phòng ban, đơn vị	11	01 đơn vị hành chính đặc thù (Trung tâm Phục vụ Hành chính công)
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Phòng ban, đơn vị	03	Ban Biên tập Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Trung tâm Hội nghị tỉnh, Nhà khách số 3
5.1.3.	Số cơ quan, đơn vị vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Phòng ban, đơn vị	0	
<b>5.2.</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		Không thực hiện
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	05	Tuyển dụng lại theo Kết luận số 71-KL/TW của Ban Bí thư
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện.	Người		Huyện, thị xã, thành phố báo cáo
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	02	Tuyển dụng lại theo Kết luận số 71-KL/TW của Ban Bí thư
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
<b>5.3.</b>	<b>Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo</b>			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành; UBND cấp huyện, thị xã, TP được bổ nhiệm mới	Người		
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	01	
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện, thị xã, TP được bổ nhiệm mới	Người		
<b>5.4.</b>	<b>Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).</b>			
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện, thị xã, TP bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện, thị xã, TP bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
<b>6.</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Phòng ban, đơn vị	01	Nhà khách số 3
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Phòng ban, đơn vị	01	Trung tâm Hội nghị tỉnh
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Phòng ban, đơn vị		
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm	Phòng ban, đơn vị	01	Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử tỉnh

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	báo cáo)			
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Phòng ban, đơn vị		
<b>7.</b>	<b>Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số</b>			
<b>7.1.</b>	<b>Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0</b>	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	1	
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	1	
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.			
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
<b>7.6.</b>	<b>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử</b>			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã.			
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%		Huyện, thị xã, TP báo cáo
7.6.2.	Tổng số văn bản đi giữa các cơ	Văn bản	2.362	



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	quan nhà nước trên địa bàn tỉnh			
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	60	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	10	
<b>7.7.</b>	<b>Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh</b>			
7.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
<b>7.8.</b>	<b>Dịch vụ công trực tuyến</b>			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC		
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC		
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%		
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%		

**Ghi chú:**

- Lĩnh vực 3: Cải cách TTHC - Văn phòng UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện tại Văn phòng; kết quả thực hiện của tỉnh có Báo cáo riêng.